

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **70/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-9-2024

Về việc tranh chấp “*Ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Bình** – Ông **Nguyễn Công Chi**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Hiền** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị L** – Sinh năm: 1968; trú tại: Tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn H** – Sinh năm 1966; trú tại: Tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Bùi Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Bùi Thị L** và ông **Huỳnh Văn H** kết hôn năm 1988, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường H, quận L, TP Đà Nẵng), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sinh sống tại phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau khi các con trưởng thành ông H có những thay đổi trong cách suy nghĩ dẫn đến bất đồng quan điểm vợ chồng về nhiều mặt. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra nhiều năm nay nhưng bà L vẫn chịu đựng vì mong muốn các con có đủ cha mẹ. Từ 04 năm nay không còn sống chung, không còn

quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến nay bà L nhận thấy vợ chồng không thể níu kéo hạnh phúc gia đình, càng sống với nhau sẽ càng thêm mệt mỏi và ảnh hưởng đến các con, gia đình của các con. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nên bà Bùi Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: Bà Bùi Thị L xác nhận vợ chồng có 03 người con chung là 03 con chung là Huỳnh Tấn C – sinh năm 1989, Huỳnh Thị Xuân T – sinh năm 1992 và Huỳnh Tấn H1 – sinh năm 1995. Các con chung đã thành niên nên bà Bùi Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung*: Bà Bùi Thị L không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

* *Bị đơn - ông Huỳnh Văn H trình bày tại “Đơn trình bày ý kiến của bên bị đơn” ngày 08/7/2024 như sau:*

Trong thời gian chung sống, bà Bùi Thị L là nội trợ còn một mình ông Huỳnh Văn H lao động nuôi 03 con khôn lớn và hình thành được tài sản gồm: 01 ngôi nhà 03 tầng ở số A đường Đ; 01 ngôi nhà 02 tầng ở số B đường Đ; 01 ngôi nhà ở số E đường A và 03 phòng trọ ở đường A; 01 lô đất ở đường B1 có giá trị tương đương 15 tỷ đồng. Trong thời gian chung sống bà Bùi Thị L giữ số tiền thu từ phòng trọ, các nguồn thu khác khoản 03 tỷ đồng. Vào năm 2021, bà L và ông H có vay Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh H để mua lô đất tại B1; mỗi tháng ông H phải trả lãi cho ngân hàng là 40.000.000 đồng. Do đó, ông H đề nghị bà L khởi kiện phân chia tài sản và khởi kiện ly hôn cùng một lần để không ảnh hưởng đến việc tranh chấp tài sản. Nếu bà L không đồng ý thì ông H đề nghị TAND quận Liên Chiểu đình chỉ giải quyết vụ án để gia đình có thời gian giải quyết nợ ngân hàng và thỏa thuận về tài sản trước khi ly hôn.

Tuy nhiên, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Huỳnh Văn H không đến Tòa án để giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS; mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham dự phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Văn H; các con chung Huỳnh Tấn C – sinh năm 1989, Huỳnh Thị Xuân T – sinh năm 1992 và Huỳnh Tân H1 – sinh năm 1995 đã thành niên nên không xem xét, giải quyết; về tài sản chung và nợ chung bà Bùi Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn bà Bùi Thị L với bị đơn ông Huỳnh Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Huỳnh Văn H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Huỳnh Văn H.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L đối với ông Huỳnh Văn H thì thấy:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Bùi Thị L và ông Huỳnh Văn H đăng ký kết hôn năm 1988 tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường H, quận L, TP Đà Nẵng) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 4047, quyển số I, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống bà Bùi Thị L cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, từ năm 2020 hai vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng ông Huỳnh Văn H vắng mặt không có lý do, bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng.

HĐXX xét thấy, qua xác minh thì chính quyền địa phương nơi ông Huỳnh Văn H và bà Bùi Thị L đang chung sống xác nhận vợ chồng bà L và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay đã sống ly thân khoảng 04 năm là sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông H và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu

khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] **Về quan hệ con chung:** Bà Bùi Thị L xác nhận bà và ông Huỳnh Văn H có 03 con chung là Huỳnh Tấn C – sinh năm 1989, Huỳnh Thị Xuân T – sinh năm 1992 và Huỳnh Tấn H1 – sinh năm 1995. Các con chung đã đủ 18 tuổi nên bà Bùi Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

HĐXX xét thấy các con chung đã thành niên nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung khi ly hôn là phù hợp.

[2.3] **Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung:** Tại Đơn trình bày ý kiến của bên bị đơn ngày 08/7/2024 của ông Huỳnh Văn H đã “*đề nghị bà Bùi Thị L khởi kiện phân chia tài sản chung và khởi kiện ly hôn cùng một lần*”. Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã có Công văn số 327/CV-TA ngày 17/7/2024 hướng dẫn ông Huỳnh Văn H đối với vấn đề tài sản chung, nợ chung nhưng ông H không trình bày ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Bùi Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung; nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này bà Bùi Thị L và ông Huỳnh Văn H có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Bùi Thị L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của bà Bùi Thị L đối với ông Huỳnh Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bùi Thị L được ly hôn ông Huỳnh Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Các con chung là Huỳnh Tấn C – sinh năm 1989, Huỳnh Thị Xuân T – sinh năm 1992 và Huỳnh Tấn H1 – sinh năm 1995 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị L không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Bùi Thị L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân

gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000804 ngày 25.6.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Bùi Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND quận Liên Chiểu;
 - Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
 - UBND phường Hc, quận L;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số số 4047, quyển số 1 ngày 27.4.1988 của UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh